

Số: 13 /2018/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE,
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 5234/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2019; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đề ra trong Báo cáo số 409/BC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2019. Trong đó, đề nghị tập trung tổ chức thực hiện tốt một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (GRDP) ở mức cao và bền vững; tập trung giải quyết tốt các điểm nghẽn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trong và ngoài ngân sách nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng hiệu quả điều hành thu-chi ngân sách, tăng thu ngân sách, siết chặt kỷ luật chi hướng đến giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển gắn chống lãng phí trong đầu tư công; đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục; đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) phần đầu tăng 7,3%; trong đó, khu vực I tăng 4,0%; khu vực II tăng 12,2%; khu vực III tăng 7,5%;
- Cơ cấu kinh tế (theo GTTT): Khu vực I chiếm 33,43%, khu vực II chiếm 18,81%, khu vực III chiếm 45,61% và thuế sản phẩm chiếm 2,15%;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 1.160 triệu USD;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 18.735,8 tỷ đồng;
- GRDP bình quân đầu người đạt 38,7 triệu đồng/người;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo dự toán Trung ương giao là 3.783 tỷ đồng; chỉ tiêu địa phương phần đầu là 3.900 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương 9.296,38 tỷ đồng; chỉ tiêu địa phương phần đầu là 9.413,08 tỷ đồng.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 5,3%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 58%;
- Tạo việc làm mới cho 18.000 lao động;
- Phần đầu có 1.200 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Duy trì tỷ suất sinh dưới 12‰;
- Đạt 29,02 giường bệnh/vạn dân;
- Đạt 8,96 bác sĩ/vạn dân;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,1% dân số;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 10,2%;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,92%;
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị đạt 92%;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98%; trong đó, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 58,5%;
- Kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt từ 5%-10% so với năm 2018;
- Kéo giảm phạm pháp hình sự; nâng tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt từ 80% trở lên;
- Huấn luyện lực lượng thường trực đạt 98,5%;
- Diễn tập khu vực phòng thủ 02 huyện và 25% cấp xã theo các phương án (A, A2, A3, A4, Phòng chống lụt bão);
- Tuyển quân năm 2019 đạt 100% chỉ tiêu.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

a) Về phát triển kinh tế

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế; rà soát, bổ sung giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, từng bước phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; có cơ chế khuyến khích phát triển hệ thống phân phối sản phẩm an toàn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu

tư vào nông nghiệp, nông thôn; triển khai đồng bộ Kết luận số 359-KL/TU ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông dân, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025 và Đề án Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2018-2020. Đẩy nhanh tiến độ rà soát diện tích đất rừng, để quản lý chặt chẽ và bảo đảm quyền lợi cho người dân trong vùng dự án về yêu cầu cấp quyền sử dụng đất.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm từ dừa; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, mở rộng thị trường trong nước (nhất là đối với Thành phố Hồ Chí Minh); tiếp tục triển khai các giải pháp để từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển du lịch Bến Tre đến năm 2030. Tích cực phối hợp với Bộ, ngành hoàn thành Đề án đầu tư phát triển Trung tâm Dừa Đồng Gò.

- Triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025. Có giải pháp hỗ trợ Doanh nghiệp trong tỉnh kết nối với doanh nghiệp nước ngoài (FDI) để học hỏi công nghệ, kinh nghiệm quản lý và hình thành chuỗi giá trị sản phẩm của tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; xây dựng hoàn thiện mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020.

- Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường; tập trung phát triển quỹ đất sạch để tạo quỹ đất cho phát triển; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quản lý đất công, đất bãi bồi ven sông, ven biển; tăng cường quản lý môi trường và tài nguyên cát lòng sông.

- Tập trung huy động các nguồn lực xã hội phục vụ đầu tư phát triển; tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từ các thành phần kinh tế; thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2019, trong đó ưu tiên nguồn vốn cho các công trình trọng điểm, có tính đột phá cao, tạo động lực và sức lan tỏa lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Phú Thuận; đôn đốc các doanh nghiệp, nhà đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện các dự án cam kết với tỉnh, nhất là các dự án đã ký thỏa thuận, ghi nhớ trong Hội nghị xúc tiến đầu tư của tỉnh năm 2017 để sớm đưa các dự án vào hoạt động. Tổ chức triển khai Quy hoạch cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2020; nghiên cứu xây dựng cơ chế giá nước nông thôn hợp lý để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển chương trình nước sạch để giải quyết nhu cầu nước sạch vùng nông thôn.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp chống thất thu thuế, nhất là nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ ngành thuế trong thực thi chính sách pháp luật về thuế; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí.

b) Về văn hóa-xã hội

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đặc biệt là giáo dục mầm non và phổ thông; hoàn thành nhiệm vụ năm học 2018-2019; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục khởi nghiệp cho học sinh.

- Chăm lo chu đáo cho các đối tượng người có công, người nghèo và bảo đảm an sinh xã hội; tập trung công tác giảm nghèo bền vững, thực hiện Đề án phát triển đa dạng sinh kế, thoát nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 gắn với xuất khẩu lao động và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp về nông thôn. Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đào tạo, tuyển dụng, giải quyết việc làm cho lao động địa phương; triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền lợi của người lao động.

- Chủ động thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm. Có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

- Phát huy các giá trị truyền thống văn hóa, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc duy trì, nâng chất phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng xã văn hóa Nông thôn mới. Tập trung phát triển các môn thể thao thành tích cao mà tỉnh có thể mạnh phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và khuyến khích tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng để rèn luyện, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa; trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch. Tập trung chỉ đạo thực hiện các công trình, phần việc hướng tới kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2020; tổ chức tốt Lễ hội Dừa tỉnh Bến Tre năm 2019, cũng như các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong năm.

c) Về quốc phòng an ninh; cải cách hành chính, chế độ công vụ, công chức; phòng chống tham nhũng, lãng phí

- Tiếp tục xây dựng tiềm lực quốc phòng và khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao; tăng cường năng lực quản lý, bảo vệ an ninh vùng biên giới biển; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyển quân.

- Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa các loại tội phạm, kéo giảm phạm pháp hình sự và tai nạn giao thông đường bộ, bảo đảm ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư của tỉnh. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng; phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi quảng cáo cho vay lãi nặng (tín dụng đen), đồng thời tuyên truyền rộng rãi để người dân biết tác hại và không vay lãi nặng. Thực hiện tốt công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ và ngăn chặn tình trạng tàu cá khai thác hải sản xâm phạm vùng biển nước ngoài.

- Tiếp tục rà soát, đơn giản các loại thủ tục hành chính; thực hiện hiệu quả các giải pháp để duy trì và nâng cao thứ hạng các chỉ số đánh giá địa phương như: PAR Index, PAPI, PCI, SIPAS. Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, tinh gọn, hiệu quả; triển khai cơ chế khoán quỹ lương bán chuyên trách ở xã, ấp; thực hiện đúng lộ trình tự chủ hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, các vụ việc mới phát sinh từ cơ sở, hạn chế phát sinh điểm nóng; kiên quyết xử lý các đối tượng có hành vi lôi kéo, xúi giục, kích động gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự.

đ) Tập trung tổ chức triển khai công tác lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động liên kết, hợp tác với các tỉnh/thành phố trong khu vực và cả nước; tích cực hội nhập quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, trong quá trình thực hiện, kịp thời tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp, đúng quy định để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2018. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Báo Đồng Khởi; Đài PT&TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Phòng TH-VP HĐND tỉnh (6b);
- Lưu: VT. *vu*



CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo